

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: Tài chính Ngân hàng

Mã ngành: 7340201

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệ m (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã thực hiện: cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Khác	
1	Hồ Hồng Hải 12/08/1980	001080036648 Việt Nam		Kinh doanh, Quản lý và Tài chính	Tiến sĩ, Anh, 2013		x	001080036648	20		2	03 bài báo	



Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Trình độ, năm nước, năm tốt nghiệp	Tuyển dụng		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã thực hiện: cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Khác	
2	John Philip Evans 28/07/1955	PA8917322, Úc	GS	Tài chính	Tiến sĩ, Mỹ, 1998		x		42			12 bài báo quốc tế	
3	Đỗ Bảo Linh, 14/08/1996	019196003649, Việt Nam		Tài chính	Tiến sĩ, Úc, 2024		x	019196003649	03			02 bài báo quốc tế	
4	Nguyễn Thị Mai Lan 20/10/1988	001188011091, Việt Nam		Kinh doanh (Tài chính)	Tiến sĩ, Úc, 2019		x	001188011091	11		01	2 bài báo Việt Nam, 21 bài báo quốc tế	
5	Lee Sang Hoon 09/02/1952	M70,6Z0908, Hàn Quốc	PGS	Kinh tế Tài chính	Tiến sĩ, Mỹ, 1990		x		36				
6	Nguyễn Thị Hương Liên, 20/03/1978	025178001085 Việt Nam	PGS, 2024	Nghiên cứu Phát triển Quốc tế	Tiến sĩ, Nhật, 2010		x	025178001085	15	02	01	04 (06 bài báo trong nước, 09 bài báo quốc tế)	
7	Jin Suk Park 09/06/1979	M29343062 Hàn Quốc		Hành vi tổ chức & Quản trị Nhân sự	Tiến sĩ, Mỹ, 2013		x		13			07 bài báo quốc tế	
8	Nayak Abhishek 19/06/1985	Z4913260 Ấn Độ		Nghiên cứu Kinh doanh (Marketing)	Tiến sĩ, Tây Ban Nha, 2017		x		8			01 bài báo quốc tế	
9	Kim Young Un, 19/02/1980	M11241892, Hàn Quốc		Chiến lược & Khởi nghiệp	Tiến Sĩ, Mỹ, 2011		x		15		01	03 bài báo quốc tế	
10	Lê Thị Phương Dung, 18/09/1986	038186027067 Việt Nam		Quản trị Marketing du lịch khách sạn	Tiến sĩ, Úc		x	038186027067	14		05	14 bài báo quốc tế	
11	Nguyễn Văn Anh, 12/12/1985	034185011911, Việt Nam		Thạc sĩ Quản trị	Thạc sĩ, Anh, 2013	x		034185011911	03				

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệ	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày kết; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghệ m (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã thực hiện: cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Khác	
12	Đinh Anh Tuấn, 12/11/1990	031090009348, Việt Nam		Kinh doanh - Đổi mới sáng tạo vì xã hội	Tiến sĩ, Anh, 2023		x	031090009348	14		01	01 bài báo quốc tế, 02 bài báo trong nước	
13	Phạm Tuấn Minh, 20/03/1984	027084000429 Việt Nam		Nghiên cứu vận hành	Tiến sĩ, Mỹ, 2013		x	027084000429	06		02	07 bài báo quốc tế	
14	Nguyễn Phan Hạnh Thảo 30/09/1992	079192036658, Việt Nam		Hành vi tổ chức & Quản trị Nhân sự	Tiến sĩ, Mỹ, 2024		x	079192036658	04		05	05 bài báo quốc tế	
15	Vũ Anh Dũng, 14/06/1975	015075002054 Việt Nam	PGS, 2014	Quản lý vận hành quốc tế.	Tiến sĩ, Anh, 2008		x	015075002054			08	10 bài báo quốc tế	
16	Nguyễn Thu Giang 13/09/1993	001193046453 Việt Nam		Quản trị & Chuỗi cung ứng	Tiến sĩ, Anh, 2024		x	001193046453				02 bài báo quốc tế	
17	Lê Duy Dũng 21/3/1991	26091005076, Việt Nam		Khoa học Máy tính	Tiến sĩ, Singapore, 2020		x	26091005076	05			2 (12 bài báo quốc tế)	
18	Trịnh Hồng Hải 13/11/1995	060095003651 Việt Nam		Tài chính	Tiến sĩ, New Zealand, 2025		x	060095003651	05		06	14 sách & bài báo quốc tế	
19	Ngô Đăng Toàn 03/02/1983	001083058289 Việt Nam		Triết học	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2023	x		001083058289	19			7 bài báo trong nước và quốc tế	
20	Michael Clark 27/05/1984	153074334 Anh		Triết học	Tiến sĩ, Anh, 2013		x		12			5 bài báo quốc tế	
21	Nguyễn Hồng Hải 09/12/1974	001074043820 Việt Nam		Khoa học chính trị	Tiến sĩ, Úc, 2015		x						

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Trình độ, năm nước, năm tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm m (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã thực hiện: cấp			Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	Khác	
22	David Koh Wee Hock 20/02/1964	K1972768A Singapore		Khoa học chính trị	Tiến sĩ, Úc, 2000		x	0131864158	14				
23	Nhữ Đình Ngọc Anh 04/10/1987	001087035268 Việt Nam		Giảng dạy tiếng Anh TESOL	Thạc sĩ, Úc, 2016		x	0112239422	15				
25	Trịnh Thị Thúy Liên, 23/03/1974	019174000168 Việt Nam		Quản trị Kinh doanh, Truyền thông, Sức khỏe cộng đồng	Thạc sĩ, Mỹ, 2003		x	0100035807	09				
26	Myles Liam Lynch 02/9/1987	534526515 Mỹ		Giáo dục trẻ và thanh niên trong cộng đồng	Tiến sĩ, Mỹ, 2019		x	0131590497	19				
27	Đặng Minh Tuấn 17/01/1979	027079000091 Việt Nam		Luật	Tiến sĩ, Pháp, 2010	x			25				
28	Sungdeok Cha 18/2/1960	M17759034, Hàn Quốc	GS, 2005	Thông tin & Khoa học Máy tính	Tiến sĩ, Mỹ, 1991		x		40			2 bài báo quốc tế	
29	Lê Duy Anh 26/09/1990	001090000209 Việt Nam		Nghiên cứu Phát triển	Tiến sĩ, Anh, 2020		x		06			09 bài báo quốc tế	
30	James Collin 18/06/1984	153704307 Anh		Triết học	Tiến sĩ, Anh, 2013		x		13			16 bài báo quốc tế	
31	Kok Seng Wong 16/4/1978	A5476503, Malaysia	PGS, 2016	Kỹ thuật Khoa học Máy tính	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2012		x		20		4	(29 bài báo quốc tế) ³	
32	Jason Andrew Picard 24/9/1971	506365610 Mỹ		Lịch sử	Tiến sĩ, Mỹ, 2014		x	0121718467	13				

YếtMẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Học trực tiếp	Tự chọn	Học trực tiếp	
1	Michael Clark Ngô Đăng Toàn	Triết Học Mác-Lênin (Triết học, Khoa học và Xã hội)	Học kỳ 1, năm 1	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
2	Nguyễn Hồng Hải David Koh Wee Hock	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin (Kinh tế chính trị toàn cầu)	Học kỳ 1, năm 1	2				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
3	Kim Young Un Đình Anh Tuấn	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	Học kỳ 1, năm 1	2				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
4	Nhữ Đình Ngọc Anh	Kỹ năng viết học thuật	Học kỳ 1, năm 1	2				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
5	Trịnh Thị Thúy Liên	Lối sống khỏe mạnh 1	Học kỳ 1, năm 1	NC				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
6	Myles Liam Lynch	OASIS (Định hướng, Tư vấn, Kỹ năng, Bản sắc & Đa dạng, Tinh thần cho đi)	Học kỳ 1, năm 1	NC				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
7	Myles Liam Lynch	Tại huấn luyện kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm	Học kỳ 1, năm 1	2				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
8	Đỗ Bảo Linh Phạm Tuấn Minh	Thống kê kinh doanh	Học kỳ 1, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
9	Lê Duy Anh Trịnh Hồng Hải	Kinh tế học vi mô	Học kỳ 1, năm 1	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
9	Nguyễn Hồng Hải David Koh Wee Hock	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học (Chính trị và biến đổi xã hội)	Học kỳ 2, năm 1	2				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
10	Đình Anh Tuấn Nguyễn Phan Hạnh Thảo	Đạo đức trong kinh doanh	Học kỳ 2, năm 1	2				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
11	Đặng Minh Tuấn	Pháp luật đại cương	Học kỳ 2, năm 1	2				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy



Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
12	Trịnh Thị Thúy Liên	Thường thức và thực hành nghệ thuật / Biểu diễn và thực hành nghệ thuật	Học kỳ 2, năm 1	2			Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	
13	Jin Suk Park Vũ Anh Dũng	Định hướng liên văn hóa	Học kỳ 2, năm 1	2			Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	
14	Trịnh Thị Thúy Liên	Lối sống khỏe mạnh 2	Học kỳ 2, năm 1	NC			Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	
15	Myles Liam Lynch	OASIS (Định hướng, Tư vấn, Kỹ năng, Bản sắc & Đa dạng, Tinh thần cho đi)	Học kỳ 2, năm 1	NC			Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	
16	Sungdeok Cha Lê Duy Dũng	Nhập môn hiểu biết về AI	Học kỳ 2, năm 1	2			Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	
17	Nguyễn Thị Hương Liên Nguyễn Văn Anh	Kế toán tài chính	Học kỳ 2, năm 1	3			Giảng viên tham gia giảng dạy	
18		Giáo dục quốc phòng và An ninh	Học kỳ 2, năm 1	NC			Giảng viên tham gia giảng dạy	
19		Học tập qua phục vụ cộng đồng	Học kỳ 2, năm 1	NC			Giảng viên tham gia giảng dạy	
20	Jason Andrew Picard	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Lịch sử và Văn hóa Việt Nam II)	Học kỳ 1, năm 2	2			Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	
21	Jason Andrew Picard	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (Lịch sử và Văn hóa Việt Nam I)	Học kỳ 1, năm 2	2			Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	
22	Nguyễn Thu Giang Nguyễn Phan Hạnh Thảo	Nhập môn kỹ năng quản lý	Học kỳ 1, năm 2	2			Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	
23	Nguyễn Thu Giang Nguyễn Thị Hương Liên	Ý tưởng lớn	Học kỳ 1, năm 2	2			Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	
24	Phạm Tuấn Minh Lê Duy Dũng	Nhập môn Lập trình Python	Học kỳ 1, năm 2	3			Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn			
					Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	
25	Lê Duy Anh Hồ Hồng Hải	Kinh tế học vĩ mô	Học kỳ 1, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
26	Nguyễn Thị Mai Lan Lee Sang Hoon	Quản trị tài chính	Học kỳ 1, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
27	James Collins	Tư duy sáng tạo và phân biện	Học kỳ 2, năm 2	2				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
28	Nayak Abhishek Phạm Tuấn Minh	Truyền thông và Trục quan hóa Dữ liệu	Học kỳ 2, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
29	Nguyễn Thị Hương Liên Nguyễn Thị Mai Lan	Phân tích Báo cáo Tài chính	Học kỳ 2, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
30	Đỗ Bảo Linh John Evans	Tài chính Quốc tế	Học kỳ 2, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình
31	Trịnh Hồng Hải Nguyễn Thị Hương Liên	Thị trường và Tổ chức Tài chính	Học kỳ 2, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình
32	Hồ Hồng Hải Đinh Anh Tuấn	Định hướng thực tập	Học kỳ 2, năm 2	NC				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
33	Hồ Hồng Hải Đinh Anh Tuấn	Thực tập doanh nghiệp 1	Học kỳ 2, năm 2	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
34	Wong Kok-Seng Wray Brutine	Tư duy máy tính / Nhập Môn Hiểu Biết về Dữ Liệu	Học kỳ 1, năm 3	2				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
35	Nguyễn Thị Mai Lan Hồ Hồng Hải	Phân tích Định lượng trong Kinh doanh	Học kỳ 1, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
36	Lee Sang Hoon Đỗ Bảo Linh	Tài chính Doanh nghiệp	Học kỳ 1, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
37	Lee Sang Hoon John Evans	Công cụ Phái sinh và Kỹ thuật Tài chính	Học kỳ 1, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
38	Nguyễn Thị Mai Lan Đỗ Bảo Linh	Ứng dụng Dữ liệu trong Định giá và Mô hình Tài chính	Học kỳ 1, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
39	Nguyễn Văn Anh Đỗ Bảo Linh	Chuyển đổi Số trong Ngân hàng Thương mại	Học kỳ 1, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
40	Nguyễn Thị Mai Lan Hồ Hồng Hải	Ngân hàng Cá nhân và Quản lý Tài sản	Học kỳ 1, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
41	Trịnh Hồng Hải Đỗ Bảo Linh	Công nghệ Tài chính và Đổi mới trong Lĩnh vực Tài chính	Học kỳ 2, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
42	Hồ Hồng Hải John Evans	Vốn Đầu tư Mạo hiểm và Vốn Tư nhân	Học kỳ 2, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
43	Phạm Tuấn Minh Trịnh Hồng Hải	Phân tích dự báo trong Tài chính	Học kỳ 2, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
44	Hồ Hồng Hải Nguyễn Thị Hương Liên	Tài chính xanh	Học kỳ 2, năm 3			3		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
45	Nguyễn Văn Anh Nguyễn Thị Hương Liên	Ngân hàng Trung ương và Quy định Ngân hàng	Học kỳ 2, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
45	Hồ Hồng Hải	Thực tập doanh nghiệp 2	Học kỳ 2, năm 3	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
46	Lê Thị Phương Dung Nguyễn Phan Hạnh Thảo	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Học kỳ 1, năm 4	3				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
47	Lee Sang Hoon Đỗ Bảo Linh	Tài chính hành vi	Học kỳ 1, năm 4	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
48	Lee Sang Hoon Nguyễn Thị Mai Lan	Chứng khoán thu nhập cố định	Học kỳ 1, năm 4	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
49	Lee Sang Hoon John Evans	Đổi mới Danh mục Đầu tư và Quản trị Rủi ro	Học kỳ 1, năm 4	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
48	Hồ Hồng Hải	Quản trị Rủi ro Tín dụng: Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo và Mô hình Phân tích	Học kỳ 1, năm 4	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
49	Nguyễn Thị Hương Liên	Quản trị Ngân quỹ và Giao dịch Ngoại hối	Học kỳ 1, năm 4	3				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
50	Tất cả các giảng viên	Học kỳ doanh nghiệp	Học kỳ 2, năm 4	6				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện chương trình
51	Tất cả các giảng viên	Khóa luận tốt nghiệp / Dự án tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm 4	6				Giảng viên tham gia hướng dẫn luận văn

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành Cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học VinUni

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	John Philip Evans, 28/07/1955, Viện trưởng	Tiến sĩ, 1993	Tài chính	Giáo sư
2	Hồ Hồng Hải, 12/08/1980, Phó Viện trưởng kiêm Giám đốc Chương trình (dự kiến)	Tiến sĩ, 2013	Kinh doanh, Quản lý và Tài chính	Trợ lý Giáo sư
3	Nguyễn Thị Mai Lan, 20/10/1988, Giám đốc Chương trình Cử nhân Quản trị Kinh doanh	Tiến sĩ, 2019	Tài chính	Trợ lý Giáo sư
4	Jin Suk Park, 09/06/1979, Giám đốc Chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	Tiến sĩ, 2013	Tổ chức hành vi & Nhân sự	Trợ lý Giáo sư

GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ



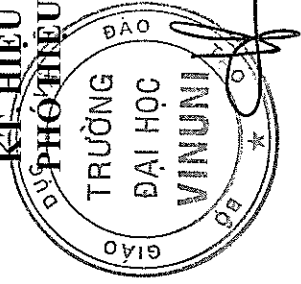
Phạm Thanh Hảo

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KINH DOANH QUẢN TRỊ**



Hồ Hồng Hải

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Hồng Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINUNI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: Tài chính Ngân hàng

Mã ngành: 7340201

Trình độ đào tạo: Đại học

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở/Khác	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phân/môn học được phân công)	Ghi chú
1.	502.02-2025.23	Đề tài cấp Cơ sở	Phân tích hai giai đoạn về rủi ro hành vi trong sử dụng Fintech và tác động của các biện pháp can thiệp giáo dục tài chính tại Việt Nam		502.02-2025.23	Chưa xác định	Chưa xác định	Hồ Hồng Hải	
2.	502.99-2018.04	Đề tài cấp Cơ sở	Sở thích của nhà quản lý, thiết lập mục tiêu và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Kiểm chứng bằng phương pháp thực nghiệm ngẫu nhiên RCT		502.99-2018.04	10/11/2021	Đạt, 10/11/2021	Hồ Hồng Hải	



Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở/Khác	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐQT nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
3.	Không áp dụng	Đề tài cấp cơ sở	Exploring a Morally Desirable and Sustainable Corporate Governance System of Private Firms in China	Lei Li Kim Young Un	Không áp dụng	15/12/2023	Đạt	Kim Young Un	
4.	IO: 400221	Đề tài cấp cơ sở	Firm-level climate change risk: Monitoring and implications	Nguyễn Thị Hương Liên	Chưa nghiệm thu			Nguyễn Thị Mai Lan	
5.	IO:400188	Đề tài cấp cơ sở	Organizational culture and its impact on corporate sustainable development: Evidence and implications	Nguyễn Thị Mai Lan	Chưa nghiệm thu			Nguyễn Thị Mai Lan	
6.	IO:400043	Đề tài cấp cơ sở	Stability, efficiency, and resilience of hotels during Covid-19 pandemic: The role of capital structure and ESG strategy	Nguyễn Thị Mai Lan	Chưa nghiệm thu			Nguyễn Thị Mai Lan	
7.	MS: II.4.5-2013.36	Đề tài cấp nhà nước	Vai trò của ngân hàng xanh trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế - Những vấn đề lý luận cơ bản và kinh nghiệm quốc tế.	Nguyễn Thị Hương Liên	12/2016	12/2016	Tốt	Nguyễn Thị Hương Liên	
8.		Đề tài cấp Bộ	Thao túng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết và tác động đến thị trường chứng khoán Việt Nam.	Nguyễn Thị Hương Liên	12/2017	12/2017	Tốt	Nguyễn Thị Hương Liên	
9.		Đề tài cấp trường	Thao túng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết và tác động đến thị trường chứng khoán Việt Nam.	Nguyễn Thị Hương Liên	12/2017	12/2017	Tốt	Nguyễn Thị Hương Liên	
10.		Đề tài cấp trường	Kế toán chi phí dòng nguyên vật liệu - nghiên cứu điển hình tại doanh nghiệp Nhật Bản và điều kiện áp dụng cho Việt Nam.	Nguyễn Thị Hương Liên	12/2017	12/2017	Tốt	Nguyễn Thị Hương Liên	
11.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Nghiên cứu phương pháp điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam theo thông lệ Quốc tế.	Nguyễn Thị Hương Liên	12/2017	12/2017	Tốt	Nguyễn Thị Hương Liên	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở/Khác	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phân/môn học được phân công)	Ghi chú
12.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Thủ thuật phát hiện đảo nợ của kiểm toán nội bộ ngân hàng thương mại.	Nguyễn Thị Hương Liên	12/2017	12/2017	Tốt	Nguyễn Thị Hương Liên	
13.	VUNI.GT. NTKH.13	Đề tài cấp trường	Personal Values, Behavior and Cognition: Building a framework for the green lifestyle for the residents of Nha Trang City, Khanh Hoa Province	Đinh Anh Tuấn	2024 -2025	2024 -2025	Chưa xác định	Đinh Anh Tuấn	
14.	VUNI.2425 .EME.006	Đề tài cấp trường	Driving Positive Change: The Impact of Middle Managers on Employee Prosocial Behaviors.	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	
15.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Beyond (No) Being There: Implications of Workplace Arrangement Variety, Volatility, and Differential Volition for Virtual Teams	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	
16.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Effective Leadership Behaviors in Virtual Teams	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	
17.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Virtual Team Leadership: An Integrative Perspective.	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	
18.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Effective Leadership Behaviors in Virtual Teams	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Nguyễn Phan Hạnh Thảo	
19.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Drivers of Cost-Effective Resilience: A Household-Level Study in Vietnam	Vũ Anh Dũng	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Vũ Anh Dũng	
20.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Supply Chain Resilience in Vietnam - Challenges in the post Covid Era	Vũ Anh Dũng	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Vũ Anh Dũng	
21.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Vietnam Manufacturing Competitiveness	Vũ Anh Dũng	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Vũ Anh Dũng	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở/Khác	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
22.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Value Co-Creation toward sustainable development: Developing a theoretical framework and evaluating influencing factors	Vũ Anh Dũng	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Vũ Anh Dũng	
23.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Factor affecting the attraction of R&D related FDI from Japanese TNCs	Vũ Anh Dũng	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Vũ Anh Dũng	
24.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Post-integration strategies and M&A performance	Vũ Anh Dũng	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Vũ Anh Dũng	
25.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Effect of firms' promotional activities on customer green consumption behaviors: Evidence from Vietnam	Vũ Anh Dũng	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Vũ Anh Dũng	
26.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Influences on university-enterprise collaboration factors on innovative performance and competitive performance of universities in Vietnam	Vũ Anh Dũng	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Vũ Anh Dũng	
27.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	"Looking through the customer's eyes", using eye-tracking, in-depth interviews and surveys to examine wellness quality of Vinpearl hotels and resorts.	Lê Thị Phương Dung	01/2024	01/2024	01/2024	Lê Thị Phương Dung	
28.	Không áp dụng	Đề tài cấp khác	SmartCEM, VinIf, 2022-2025	Lê Thị Phương Dung	Chưa xác định	Chưa xác định	Đạt	Lê Thị Phương Dung	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở/Khác	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
29.	Không áp dụng	Đề tài trường	Investigating the drivers and barriers of green innovation in agricultural firms in Vietnam	Lê Thị Phương Dung	Chưa xác định	Chưa xác định	Đạt	Lê Thị Phương Dung	
30.	NESP 5.5	Đề tài cấp trường	Project NESP 5.5 for measuring aesthetic and experience values of the Great Barrier Reef using Big Data approaches	Lê Thị Phương Dung	09/2020	09/2020	Đạt	Lê Thị Phương Dung	
31.	NESP 3.2.3	Đề tài cấp trường	Project NESP 3.2.3 for monitoring the aesthetic value of the Great Barrier Reef by using innovative technologies and artificial intelligence	Lê Thị Phương Dung	03/2018	03/2018	Đạt	Lê Thị Phương Dung	
32.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Analysis of pediatric data Alternating minimization for non-convex functions	Phạm Tuấn Minh	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Phạm Tuấn Minh	
33.	Không áp dụng	Đề tài cấp trường	Alternating minimization for non-convex functions	Phạm Tuấn Minh	2022	2022	Đạt	Phạm Tuấn Minh	

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Do, H. L., Ho, H. H. , Mai, T. C., Nguyen, T. N., & Nguyen, T. S. (2024). Does ESG really matter to the bank's stability in ASEAN countries? Cogent Economics & Finance, 12(1), 2420218.	
2.	Duc, D. T. V., Hoai, N. T., Nguyen, V. P., Nguyen, D. P., Anh, N. H., & Hai, H. H. (2024). Google search intensity and stock returns in frontier markets: Evidence from the Vietnamese market. Economic and Business Review, 10(1), 30–56.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
3.	Nguyen, T. T., Ho, H. H. , Nguyen, D. V., Pham, A. C., & Nguyen, T. T. (2021). The effects of business model on bank's stability. <i>International Journal of Financial Studies</i> , 9(3), 46.	
4.	Rusmin, R., Zuhawati, Z., Astami, E. W., & Evans, J. (2024). A cultural aspect, firms' financial health and earnings management: Evidence from the Asia-Pacific region. <i>Cogent Business & Management</i> , 11(1), 2365780.	
5.	Luong, H., Evans, J. , & Duong, L. (2022). CEO pay disparity, takeover premiums and bidder performance in Australia: Efficient contracting or managerial power? <i>Accounting & Finance</i> , 62(1), 143–179.	
6.	Duong, L., Evans, J. , & Truong, P. (2020). Getting CFO on board—Its impact on firm performance and earnings quality. <i>Accounting Research Journal</i> , 33(2), 435–454.	
7.	Singh, A., Singh, H., Sultana, N., & Evans, J. (2019). Independent and joint effects of audit partner tenure and non-audit fees on audit quality. <i>Journal of Contemporary Accounting & Economics</i> , 15, 186–205.	
8.	Islam, N., Evans, J. , White, G., & Hossain, M. M. (2019). Components of CEO remuneration and non-GAAP disclosure decisions. <i>Australian Accounting Review</i> , 29(4), 615–630.	
9.	Rusmin, R., & Evans, J. (2017). Audit quality and audit reporting lag: Case of Indonesian listed companies. <i>Asian Review of Accounting</i> , 25(2), 191–210.	
10.	Astami, E., Rusmin, R., Hartadi, B., & Evans, J. (2017). The role of audit quality and culture influence on earnings management in companies with excessive free cash flow: Evidence from the Asia-Pacific region. <i>International Journal of Accounting & Information Management</i> , 25(1), 21–42.	
11.	Eulaiwi, B., Ahmed, A.-H., Taylor, G., Khamis, H., & Evans, J. (2016). Multiple directorships, family ownership, and the broad nomination committee: International evidence from the GCC. <i>Emerging Markets Review</i> , 28, 61–88.	
12.	Duong, L., & Evans, J. (2016). Gender differences in compensation and earnings management: Evidence from Australian CFOs. <i>Pacific-Basin Finance Journal</i> , 40, 17–35.	
13.	Gao, J., Cong, L. M., & Evans, J. (2015). Earnings management, IPO underpricing and post-issue stock performance of Chinese SMEs. <i>Chinese Economy Journal</i> , 48(5), 351–371.	
14.	The Economic Drivers of the Political Will for Social Responsibility in Energy Policy for Fuel Exporting Countries., J, Simpson, A Alsameen and Evans J. , Text, Chapter 11, Energy Sustainability and Finance, Springer Publication, 2015.	
15.	Duong, L., & Evans, J. (2015). CFO compensation: evidence from Australia. <i>Pacific-Basin Finance Journal</i> , 35, 425-443.	
16.	Nguyen, K.Q., Nguyen, T.H., Do, B.L. (2023). Narrative attention and related cryptocurrency returns. <i>Finance Research Letters</i> , 56, 104174.	
17.	Phuong, H.K., Do, B.L. , Tran, V.K., Do, A.T. (2024). Does maternity leave reform impact on the labour supply of the elderly? Evidence from a natural experiment in Vietnam?. <i>LABOUR</i> , 38(3), 365–394.	
18.	Nguyen, L. T. M. , Tran, T. K., & Tran, M. H. (2025). How do migrant owners influence the financing decisions of family firms? A study of ASEAN countries. <i>Journal of Organizational Change Management</i> , 1–23.	

STT	Công trình khoa học	Chi chú
19.	Phung, N. T., & Nguyen, L. T. M. (2025). Corporate culture and financial stability: A study of US hotel firms. <i>International Journal of Hospitality Management</i> , 126, 104041.	
20.	Luu, H. N., Nguyen, L. Q. T., & Nguyen, L. T. M. (2025). The impact of foreign direct investment on infrastructure development. <i>Journal of Economic Studies</i> , 52(7), 1226-1243.	
21.	Nguyen, L. T. M. , Tran, T. K., & Vu, K. T. (2024). Corporate culture and carbon emissions. <i>Applied Economics</i> , 1-20.	
22.	Nguyen, L. T. M. , Khanh Tran, T., & Truong, C. (2024). Family ownership and speed of adjustment towards targeted capital structures: A study of ASEAN firms. <i>Accounting & Finance</i> , 64(1), 445-474.	
23.	Chung, K., Nguyen, L. T. M. , & Nguyen, D. T. T. (2024). Improving hotels' operational efficiency through ESG investment: A risk management perspective. <i>Service Science</i> , 16(3), 172-183.	
24.	Luu, H. N., Nguyen, L. T. M. , Vu, K. T., & Nguyen, L. Q. T. (2023). The impact of organizational culture on bank stability. <i>Review of Quantitative Finance and Accounting</i> , 61(2), 501-533.	
25.	Nguyen, T. M. L. , Cheong, C. S., Truong, C., & Zurbruegg, R. (2023). Experience of a Job Loss and Analysts' Subsequent Performance. <i>European Accounting Review</i> , 1-33.	
26.	Tran, T. K., & Nguyen, L. T. M. (2023). Family ownership and capital structure: evidence from ASEAN countries. <i>China Finance Review International</i> , 13(2), 207-229.	
27.	Luu, H. N., Nguyen, T. A., Nguyen, D. T. T., Nguyen, L. T. M. , & Johari, E. (2023). Shareholder Litigation Rights and Bank Dividends. <i>Journal of Financial Services Research</i> , 1-33.	
28.	Nguyen, L. T. M. , Le, D., Vu, K. T., & Tran, T. K. (2023). The role of capital structure management in maintaining the financial stability of hotel firms during the pandemic—A global investigation. <i>International Journal of Hospitality Management</i> , 109, 103366.	
29.	Nguyen, L. T. M. , Cheong, C. S., & Zurbruegg, R. (2022). The heterogeneous impact of industry concentration on analyst performance. <i>Advances in accounting</i> , 59, 100629.	
30.	Nguyen, L. T. M. , & Song, J. M. (2022). Media Sentiment and Institutional Ownership. <i>Journal of Behavioral Finance</i> , 1-17.	
31.	Nguyen, L. T. M. , Luu, H. N., Nguyen, T. T. P. (2022). "The impact of interest rate policy on credit union lending during a crisis period". <i>Finance Research Letters</i> , 103005.	
32.	Nguyen, L. T. M. , Cheong, C., Zurbruegg, Z. (2022). "The heterogeneous impact of work specialization on analyst performance". <i>Advances in Accounting</i> , 59.	
33.	Nguyen, L. T. M. , Nguyen, T. T. P. (2022). "Market Reaction to the Announcements of Free Trade Agreements: Evidence from Vietnam". <i>Forum for Social Economics</i> , February, pp. 1-17.	
34.	Nguyen, L. T. M. , Cheong, C. S., Zurbruegg, R. (2021). Brokerage M&As and the peer effect on analyst forecast accuracy. <i>International Review of Financial Analysis</i> , 73, p.101650.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
35.	Nguyen, L.T.M. and Hoang Dinh, P. (2021). "Ex-ante risk management and financial stability during the COVID-19 pandemic: a study of Vietnamese firms", China Finance Review International , Vol. 11 No. 3, pp. 349–371.	
36.	Nguyen, C.K., Nguyen, A.Q., Nguyen, N.Q., Nguyen, T.T.M., Chu, A.N., Nguyen, L.T.M. (2021). "Cash holding and financial stability during a crisis: A case study of Vietnamese firms in Covid-19 pandemic". Forum for Social Economics , June, pp1–14.	
37.	Nguyen, L.T.M. and Jaroenjirakam, A. (2021). "What explains penny stocks' seasoned equity offerings? Academy of Accounting and Financial Studies Journal , 25, pp. 1–16.	
38.	Ho, T.T.N, Sivapalan, S., Pham, H.H., Nguyen, L.T.M. , Pham, T.V.A., Dinh, V.H. (2020). Students' adoption of e-learning in emergency situation: the case of a Vietnamese university during COVID-19. Interactive Technology and Smart Education . 18 (2), pp. 246–269.	
39.	Nguyen, T.M.L. , Nguyen, D.A. (2025). The relationship between macroeconomic indicators and the development of Central Bank Digital Currencies. Tạp chí Khoa học Kinh tế, 12(3), pp.12–25.	
40.	Nguyen, T.H.L., Nguyen, T.M.L. , Vu, T.M.N. (2024). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp sinh viên trường Đại học Kinh tế- Đại học Quốc gia Hà Nội. Tạp chí Kinh tế- Luật & Ngân hàng, 263(4), pp.22–34.	
41.	Tam Nguyen, Tuan Le-Anh, Nga Nguyen Thi Hong, Lien Thi Huong Nguyen , Thanh Nguyen Xuan. (2025). Digital transformation in accounting of Vietnamese small and medium enterprises. Journal of Financial Reporting and Accounting; 23 (2): 769–787.	
42.	Dung Thi Phuong Nguyen, Lien Thi Huong Nguyen , Anh Thi Mai Nguyen and Long Le Thanh Phan (2024). Factors affecting the readiness for ESG reporting in Vietnamese enterprises. Problems and Perspectives in Management, 22(3), 263–275.	
43.	Dung, N. T. P., & Lien, N. T. H. (2024). Factors affecting the stages of management accounting evolution: The developing market research [Special issue]. Journal of Governance & Regulation, 13(2), 452–464.	
44.	Lien, N. T. H. , & Duong, T. T. (2024). Factors affecting environmental accounting disclosure of listed food manufacturing enterprises in Vietnam. Journal of Sustainability Science and Management, 19(1), 37–54.	
45.	Nguyen, L. T. H. , Vu, H. H., & Le, A. P. (2024). Testing Bitcoin's safe-haven property and the correlation between Bitcoin, gold, oil, stock markets, and google trends. Investment Management and Financial Innovations 21, Issue 2, pp. 103–115.	
46.	Nguyen, T. H., Yang, Y., Nguyen, T. H. T., & Nguyen, L. T. H. (2023). Climate-related corporate reporting and cost of equity capital. Journal of Financial Reporting and Accounting.	
47.	Nguyễn Thị Phương Dung, Nguyễn Thị Hương Liên , Nguyễn Thị Hải Hà (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến trình độ phát triển kế toán quản trị tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Số 291, trang 86–96.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
48.	Nguyễn Thị Hương Liên , Nguyễn Thị Phương Thanh (2022). Kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng. Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, Số 11/2022, trang 34-40.	
49.	Nguyễn Thị Hương Liên , Nguyễn Thị Hà Chinh (2023). Tác động của Covid-19 đến hiệu quả tài chính của các công ty niêm yết ngành chế biến thủy sản tại Việt Nam. Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, Số 5/2023, trang 60-65.	
50.	Nguyễn Thị Hương Liên , Nguyễn Minh Thùy (2023). Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công bố thông tin báo cáo tài chính của các doanh nghiệp ngành sản xuất niêm yết tại Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, Số 245, trang 65-70.	
51.	Nguyễn Thị Hương Liên , Nguyễn Thị Mai Lan, Vũ Thị Minh Ngọc (2024). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, Số 263, 26(4), trang 22-34.	
52.	Nguyễn Thị Hương Liên , Cao Văn Khanh, Ảnh hưởng của chuẩn mực IFRS 16 - thuế tài sản đến các doanh nghiệp hàng không Việt Nam (2024). Tạp chí Công thương, Số 10, trang 388-393.	
53.	Ghummam, S., Ryan, A. M., & Park, J. S. (2024). Who helps who? The role of stigma dimensions in harassment intervention. Journal of Business Ethics, 189(1), 87-109.n. 2024. Journal of Business Ethics.	
54.	Chung, K., Park, J. S. , & Han, S. (2024). Effects of workplace relationships among organizational members on organizational identification and affective commitment: nuanced differences resulting from supervisor vs. colleague relationship. Current Psychology, 43(14), 12335-12353.	
55.	Ghummam, S., Park, J. S. , & Kim, S. (2022). Failure to drink, failure to launch? A model of the perceived stigma of nondrinkers in the workplace. Applied Psychology, 71(4), 1248-1274.	
56.	Park, J. S. , Chang, J. Y., & Lee, T. (2022). The impacts of inward knowledge transfer and absorptive capacity on the turnover of host country nationals in MNE subsidiaries: a multilevel modeling approach. Journal of Knowledge Management, 26(11), 1-21.	
57.	Park, J. S. , & Suzuki, S. (2021). Product creativity as an identity issue: through the eyes of new product development team members. Frontiers in psychology, 12, 646766.	
58.	Aggarwal, S., & Nayak, A. (2016). Mobile Big Data: A New Frontier of Innovation. In Geospatial Research: Concepts, Methodologies, Tools, and Applications (pp. 1796-1816). IGI Global Scientific Publishing.	
59.	Luo, Y., Kim, Y. U. , Li, L., & Tang, X. (2025). FDI motives of emerging market multinationals and foreign subsidiary governance. Multinational Business Review.	
60.	Niu, J., Ozdemir, S. Z., & Kim, Y. U. (2025). Taking action to reduce board-level information asymmetry: the adoption of enterprise information systems. Industrial Management & Data Systems, 125(1), 1-29.	
61.	Kim, Y. U. , & Ozdemir, S. Z. (2014). Structuring corporate boards for wealth protection and/or wealth creation: The effects of national institutional characteristics. Corporate Governance: An International Review, 22(3), 266-289.	
62.	Quach, S., Dang, S., Thaichon, P., Le, D. , & Le, T. H. (2025). Data vulnerability: does privacy protection behaviour improve digital well-being? European Journal of Marketing, 59(13), 207-239.	
63.	Le, T. H., Le, D. J. , Nimri, R., & Thaichon, S. Q. (2024). Re-imagining delightful experiences in "New Normal" conditions: A systematic critical review and future research agenda. International Journal of Hospitality Management, 120, 103781.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
64.	Hu, L., Le, D. , Yoon, S. Y., & Shepley, M. M. (2024). Expert gaze behaviour in design evaluation: An eye-tracking study. <i>The Design Journal</i> , 27(5), 843–866.	
65.	Lockstone-Binney, L., Robertson, M., Drake, C., & Dung, L. (2024). An investigation of the rotation patterns of international association meetings and events. <i>Event Management</i> , 28(3), 351–363.	
66.	Nguyen, L. T. M., Le, D. , Vu, K. T., & Tran, T. K. (2023). The role of capital structure management in maintaining the financial stability of hotel firms during the pandemic - A global investigation. <i>International Journal of Hospitality Management</i> , 109, 103366.	
67.	Wu, L., Liu, P., & Le, D. (2023). The role of public space in constructing experience capital: A longitudinal analysis in the hotel context. <i>Tourism Management</i> , 97, 104735.	
68.	Le, D. , Becken, S., & Curnock, M. (2022). Gaining public engagement to restore coral reef ecosystems in the face of acute crisis. <i>Global Environmental Change</i> , 74, 102513 https://doi.org/10.1016/j.gloenvcha.2022.102513 .	
69.	Nguyen, L. T. M., Le, D. , Vu, K. T., & Tran, T. K. (2023). The role of capital structure management in maintaining the financial stability of hotel firms during the pandemic—A global investigation. <i>International Journal of Hospitality Management</i> , 109, 103366.	
70.	Ngo, T., Le, D. , & Doan, T. (2022). “Are your employees mentally prepared for the pandemic?” Wellbeing-oriented human resource management practices in a developing country. <i>International Journal of Hospitality Management</i> , 103415.	
71.	Le, D. , Scott, N., & Wang, Y. (2021). Impact of prior knowledge and psychological distance on tourist imagination of a promoted tourism event. <i>Journal of Hospitality and Tourism Management</i> , 49, 101–111.	
72.	Le, D. , Phi, G. T., & Le, T. H. (2021). Integrating chaotic perspective and behavioral learning theory into a global pandemic crisis management framework for hotel service providers. <i>Service Science</i> , 13(4), 275–293.	
73.	Le, D. , & Phi, G. (2021). Strategic responses of the hotel sector to COVID-19 pandemic: Towards a pandemic crisis management framework. <i>International Journal of Hospitality Management</i> , 94, 102808.	
74.	Taye, F. A., Folkersen, M. V., Fleming, C. M., Buckwell, A., Mackey, B., Diwakar, K., Le, D. , Hasan, S., & Saint Ange, C. (2021). The economic values of global forest ecosystem services: A meta-analysis. <i>Ecological Economics</i> , 189, 107145.	
75.	Le, D. , Pratt, M., Wang, Y., Scott, N., & Lohmann, G. (2020). How to win the consumer's heart? Exploring appraisal determinants of consumer pre-consumption emotions. <i>International Journal of Hospitality Management</i> , 88, 102542. Doi: https://doi.org/10.1016/j.ijhm.2020.102542 .	
76.	Karlidag-Dennis, E., Hazenberg, R., & Dinh, A. T. (2020). Is education for all? The experiences of ethnic minority students and teachers in North-western Vietnam engaging with social entrepreneurship. <i>International Journal of Educational Development</i> , 77, 102224.	
77.	Đinh Anh Tuấn , Trần Thái Dương, Nguyễn Lê Khanh, Lê Thị Trang, Lê Thị Hương, Vũ Phương Anh. Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo chuyển đổi đến hành vi đổi mới sáng tạo của nhân viên trong các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn hình thành ở Việt Nam. <i>Chuyên san Đổi mới và Phát triển</i> , Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Trang 3–12, Số 2023/4.	

STT		Ghi chú
78.	Trương Thị Nam Thắng, Đinh Anh Tuấn , Chu Hà Giang, Trần Đức Nhật Anh. Thách thức cho phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam: từ cách tiếp cận đo lường mức độ phát triển. Chuyên san Đổi mới và Phát triển, Tập chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Trang 3-13, Số 2022/9.	
79.	Pham, M., & Pichichero, M. (2024). Modeling conjugate vaccine and natural induced antibody correlates of protection for pneumococcal colonization and acute otitis media infection in young children. <i>Vaccine</i> , 42(26), 126295.	
80.	Pichichero, M. E., Xu, L., Gonzalez, E., Pham, M., & Kaur, R. (2024). Variability of vaccine responsiveness in young children. <i>The Journal of Infectious Diseases</i> , 229(6), 1856-1865.	
81.	Fuji, N., Pham, M., Kaur, R., & Pichichero, M. E. (2024). Serotype 3 antibody response and antibody functionality compared to serotype 19A following 13-valent pneumococcal conjugate immunization in children. <i>The Pediatric infectious disease journal</i> , 43(3), 294-300.	
82.	Chapman, T. J., Pham, M. , Bajorski, P., & Pichichero, M. E. (2022). Antibiotic use and vaccine antibody levels. <i>Pediatrics</i> , 149(5), e2021052061.	
83.	Zhang, T., Pham, M. , Yan, G., Wang, Y., Medina-DeVilliers, S., & Coan, J. A. (2024). Spatial-temporal analysis of multi-subject functional magnetic resonance imaging data. <i>Econometrics and Statistics</i> , 31, 117-129.	
84.	Pham, M. , Lin, X., Ruszczynski, A., & Du, Y. (2021). An outer-inner linearization method for non-convex and nondifferentiable composite regularization problems. <i>Journal of Global Optimization</i> , 81(1), 179-202.	
85.	Kaur, R., Pham, M., & Pichichero, M. (2021). Serum antibody levels to pneumococcal polysaccharides 22F, 33F, 19A and 6A that correlate with protection from colonization and acute otitis media in children. <i>Vaccine</i> , 39(29), 3900-3906.	
86.	Du, Y., Lin, X., Pham, M., & Ruszczynski, A. (2021). Selective linearization for multi-block statistical learning. <i>European Journal of Operational Research</i> , 293(1), 219-228.	
87.	Bui, L., & Nguyen, T. P. (2025). A Review of Individual and Team Accountability Through Multilevel and Ethical Lenses. <i>Journal of Business Ethics</i> , 1-22.	
88.	Nguyen, T. P., & Bell, B. S. (2025). Task interdependence and shared leadership: A structural perspective on the distribution of leadership in teams. <i>Group & Organization Management</i> , 50(2), 514-545.	
89.	Nguyen, T. P., Bell, B. S., & Yuan, Y. C. (2024). Multiple status signals in multinational teams: Implications of lingua franca proficiency and task expertise for informal leadership. <i>Group & Organization Management</i> , 10596011241293506.	
90.	Song, H., Kim, J., Nguyen, T.P.H. , Lee, K.M., & Park, N. (2021). Virtual reality advertising with brand experiences: The effects of media devices, virtual representation of the self, and self-presence. <i>International Journal of Advertising</i> , 40(7), 1096-1114.	
91.	Thao, N. P. H., & Kang, S. W. (2020). When servant leaders inspire followers to become organizational citizens? Empirical evidence from Vietnam. <i>Sage Open</i> , 10(1), 2158244019900184.	
92.	Vu, D. A., Van Nguyen, T., Nhu, Q. M., & Tran, T. Q. (2024). Does increased digital transformation promote a firm's financial performance? New insights from the quantile approach. <i>Finance Research Letters</i> , 64, 105430.	
93.	Vu, A. D., Chung, K., & Lee, H. K. (2024). Nam Nghi Resort in Phu Quoc. <i>Emerald Emerging Markets Case Studies</i> , 14(2), 1-20.	

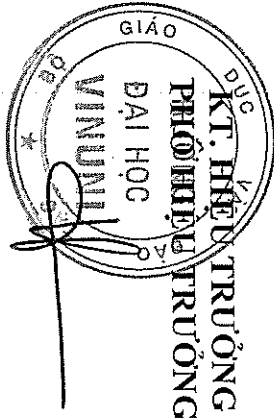
STT	Công trình khoa học	Ghi chú
94.	Tran, T. B. H., & Vu, A. D. (2022). Effect of university-enterprise alliance orientation on university's innovation performance and market performance: evidence from Vietnam. <i>Journal of Marketing for Higher Education</i> , 32(2), 238-258.	
95.	Giao, V., Khoi, N., Cu, V., & Dung, V. (2022). From Offline to Online: Alteration of Teaching-Learning Strategies in Covid-19 Pandemic in Vietnam. <i>J. Legal Ethical & Regul. Issues</i> , 25, 1.	
96.	Tran, T. B. H., & Vu, A. D. (2021). From customer value co-creation behaviour to customer perceived value. <i>Journal of Marketing Management</i> , 37(9-10), 993-1026.	
97.	Kadoguchi, R., Anzawa, K., Okanemasa, Y., Liu, Y., Dung, V. A. , Shioya, A., & Yamada, S. (2025). A Case of Subcutaneous Phaeohyphomycosis Caused by <i>Exophiala xenobiotica</i> in a Poorly-Controlled Diabetic Patient: The Conventional Papanicolaou Staining on Cytology Specimen Can Potentially Guide Us to the Correct Diagnosis. <i>Diagnostic Cytopathology</i> , 53(4), E70-E74.	
98.	Vu, N. D., Phung, T. A., Pham, T. T., Thai, N. B., Le, D. C., & Vu, A. D. (2025). Assessment of Posterior Tibial Slope in Adults: Insights from A Prospective Radiographic Study. <i>Journal of Orthopaedic Reports</i> , 100755.	
99.	Vu, N. D., Nguyen, T. T., Pham, N. T., Pham, T. T., & Vu, D. A. (2025). Conversion total hip replacement with hardware removal after open reduction and internal fixation of the acetabulum: insights from two case reports. <i>Journal of Surgical Case Reports</i> , 2025(7), rjaf475.	
100.	Vu, D. A. , Vu, N. D., Nguyen, T. T., Pham, T. T., & Thai, N. B. (2025). Revision total knee arthroplasty with long-stem prosthesis following primary knee replacement for giant cell tumor with fracture: a case report. <i>Journal of Surgical Case Reports</i> , 2025(10), rjaf789.	
101.	Vu, D. A. , Vu, N. D., Pham, T. T., Thai, N. B., & Nguyen, L. T. (2025). Salvage re-revision total hip arthroplasty for severe femoral and acetabular bone defect complicated by periprosthetic joint infection and stem loosening: insights from geriatric orthopedics. <i>Journal of Surgical Case Reports</i> , 2025(11), rjaf932.	
102.	Liu, Y., Han, J., Shioya, A., Zhang, Y. X., Dung, V. A. , Oyama, T., ... & Yamada, S. (2025). The immunohistochemical combination of low SGLT2 expression and high PRDX4 expression independently predicts shortened survival in patients undergoing surgical resection for hepatoblastoma. <i>Diagnostic Pathology</i> , 20(1), 2.	
103.	Nguyen, G. , Kumar, V., & Soares, A. (2022). Systematic literature review guidelines for supply chain management research. <i>Handbook of Research Methods for Supply Chain Management</i> , 45-70.	
104.	Nguyen, G. , & Kumar, V. (2021). Impact of Different Conflict Levels on Culturally Diversified Japanese Organisations's Performance under a Collaborative Conflict Management Style. <i>International Journal of Organizational Business Excellence</i> , 4(2), 71-94.	
105.	Trinh, H. H. , & Tran, T. P. (2024). Global banking systems, financial stability, and uncertainty: How have countries coped with geopolitical risks?. <i>International Review of Economics & Finance</i> , 96, 103647.	
106.	Trinh, V. Q., Trinh, H. H. , Li, T., & Vo, X. V. (2024). Climate change exposure, financial development, and the cost of debt: Evidence from EU countries. <i>Journal of Financial Stability</i> , 74, 101315.	
107.	Trinh, H. H. , Sharma, G. D., Tiwari, A. K., & Vo, D. T. H. (2022). Examining the heterogeneity of financial development in the energy-environment nexus in the era of climate change: Novel evidence around the world. <i>Energy Economics</i> , 116, 106415.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
108.	Pham, L., Hao, W., Truong, H., & Trinh, H. H. (2023). The impact of climate policy on US environmentally friendly firms: A firm-level examination of stock return, volatility, volume, and connectedness. <i>Energy Economics</i> , 119, 106564.	
109.	Trinh, H. H. , McCord, M., Lo, D., & Squires, G. (2022). Do green growth and technological innovation matter to infrastructure investments in the era of climate change? <i>Global evidence. Applied Economics</i> , 1-22.	
110.	Trinh, V. Q., Trinh, H. H. , Nguyen, T. H. H., & Vo, X. V. (2023). Board gender diversity and firm-level climate change exposure: A global perspective. <i>Finance Research Letters</i> , 103995.	
111.	Al Farooque, O., Baghdadi, G., Trinh, H. H. , & Khandaker, S. (2023). Stock liquidity during COVID-19 crisis: A cross-country analysis of developed and emerging economies, and economic policy uncertainty. <i>Emerging Markets Review</i> , 55, 101025.	
112.	Ngo, T., Le, T., Ullah, S., & Trinh, H. H. (2023). Climate risk disclosures and global sustainability initiatives: A conceptual analysis and agenda for future research. <i>Business Strategy and the Environment</i> , 32(6), 3705-3720.	
113.	Phung, G., Trinh, H. H. , Nguyen, T. H., & Trinh, V. Q. (2023). Top-management compensation and environmental innovation strategy. <i>Business Strategy and the Environment</i> , 32(4), 1634-1649.	
114.	Trinh, H. H. , Nguyen, C. P., Hao, W., & Wongchoti, U. (2021). Does stock liquidity affect bankruptcy risk? DID analysis from Vietnam. <i>Pacific-Basin Finance Journal</i> , 69, 101634.	
115.	Squires, G., Javed, A., & Trinh, H. H. (2021). Housing charges to fund bulk infrastructure: innovative or traditional?. <i>Regional studies, regional science</i> , 8(1), 65-84.	

GIÁM ĐỐC QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU



Phùng Thị Việt Bắc



Nguyễn Hồng Hà

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: Tài chính Ngân hàng

Mã ngành: 7340201

Trình độ đào tạo: Đại học

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sản xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	84	14559			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1870			
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	279			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	1	120	Tất cả các môn học		
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	9	980	Tất cả các môn học		
1.5	Số phòng học đa phương tiện	12	2970	Tất cả các môn học		
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	59	8340			



STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	3270	Tất cả các môn học		
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	4	10906	Tất cả các môn học		

Mẫu 7: Thư viện

ST T	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Computing: From Computing to Computational Thinking	Kevin Beecher	BCS, The Chartered Institute for IT, 2017	1 bản sách in	Tư duy máy tính	CECS1031	Kỳ 1 Năm 3	
2	From Computing to Computational Thinking	Peter S. Wang	CRC Press, 2017	12 bản sách in+ sách điện tử không giới hạn truy cập	Tư duy máy tính	CECS1031	Kỳ 1 Năm 3	
3	Artificial Intelligence: A Modern Approach (4th ed.)	Stuart J. Russell & Peter Norvig	Pearson, 2021	7 bản sách in + 2 bản sách điện tử	Nhập Môn Hiểu Biết về AI	CECS1040	Kỳ 2 Năm 1	
4	Data Science for Business	Foster Provost & Tom Fawcett	O'Reilly Media, 2013	1 bản sách in	Nhập Môn Hiểu Biết về Dữ Liệu	CECS1050	Kỳ 1 Năm 3	
5	Storytelling with Data	Cole Nussbaumer Knafllic	John Wiley & Sons, 2015	1 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Nhập Môn Hiểu Biết về Dữ Liệu	CECS1050	Kỳ 1 Năm 3	

6	Python for Data Analysis (3rd ed.)	Wes McKinney	O'Reilly Media, 2022	1 bản sách in + 1 bản sách điện tử	Nhập Môn Hiểu Biết về Dữ Liệu	CECS105 0	Kỳ 1 Năm 3	
7	Python Data Science Handbook (2nd ed.)	Jake VanderPlas	O'Reilly Media, 2022	1 bản sách in	Nhập Môn Hiểu Biết về Dữ Liệu	CECS105 0	Kỳ 1 Năm 3	
8	Naked Statistics: Stripping the Dread from the Data	Charles Wheelan	W.W. Norton & Company, 2013	1 bản sách in	Nhập Môn Hiểu Biết về Dữ Liệu	CECS105 0	Kỳ 1 Năm 3	
9	Writing Research Papers: A Complete Guide	James D. Lester & James D. Lester Jr.	Pearson, 2017	15 bản sách in	Kỹ năng viết học thuật	ENGL103 0	Kỳ 1 Năm 1	
10	How to Innovate	S. Iyenar	Columbia University Press, 2023	1 bản sách in	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	ENTR102 2	Kỳ 1 Năm 1	
11	Marxist-Leninist Philosophy (Giáo trình Triết học Mác-Lênin)	Bộ Giáo dục & Đào tạo (MOET)	Bộ Giáo dục & Đào tạo (MOET)	20 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Triết Học Mác-Lênin (Triết học, Khoa học và Xã hội)	HASS101 0	Kỳ 1 Năm 1	
12	Basic Principles of Marxism-Leninism (Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin)	Bộ Giáo dục & Đào tạo (MOET)	Bộ Giáo dục & Đào tạo (MOET)	1 bản sách in	Triết Học Mác-Lênin (Triết học, Khoa học và Xã hội)	HASS101 0	Kỳ 1 Năm 1	
13	Marx for Beginners	Rius	Pantheon, 2003	3 bản sách in	Triết Học Mác-Lênin (Triết học, Khoa học và Xã hội)	HASS101 0	Kỳ 1 Năm 1	
14	The Complete Philosophy files	Stephen Law	Orion, 2002	12 bản sách in	Triết Học Mác-Lênin (Triết học, Khoa học và Xã hội)	HASS101 0	Kỳ 1 Năm 1	
15	Philosophy: The Basics	Nigel Warburton	Routledge, 1992	1 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Triết Học Mác-Lênin (Triết học, Khoa học và Xã hội)	HASS101 0	Kỳ 1 Năm 1	
16	An Introduction to Science and Technology Studies	Sergio Sismondo	Blackwell, 2010	12 bản sách in	Triết Học Mác-Lênin (Triết học, Khoa học và Xã hội)	HASS101 0	Kỳ 1 Năm 1	

17	Global Political Economy (5th ed.)	John Ravenhill	Oxford University Press, 2017	2 bản sách in	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin (Kinh tế chính trị toàn cầu)	HASS1020	Kỳ 1 Năm 1	
18	Issues and Actors in the Global Political Economy	Andre Broome	Palgrave Macmillan, 2014	6 bản sách điện tử	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin (Kinh tế chính trị toàn cầu)	HASS1020	Kỳ 1 Năm 1	
19	Why Nations Fail: The Origins of Power, Prosperity, and Poverty	Daron Acemoglu & James A. Robinson	Profile Books, 2012	1 bản sách in	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học (Chính trị và biến đổi xã hội)	HASS1030	Kỳ 2 Năm 1	
20	Why Nations Succeed? Distribution and Reach of the State Power	Nejra Cekic	University of Minnesota, 2020	1 bản sách in	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học (Chính trị và biến đổi xã hội)	HASS1030	Kỳ 2 Năm 1	
21	Tìm hiểu về tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	Nxb CTQG, 2009	1 bản sách in	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Lịch sử và Văn hóa Việt Nam II)	HASS1041	Kỳ 1 Năm 2	
22	Tài liệu học tập tư tưởng Hồ Chí Minh	Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương	Nxb CTQG, 2003	1 bản sách in	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Lịch sử và Văn hóa Việt Nam II)	HASS1041	Kỳ 1 Năm 2	
23	Hỏi đáp môn tư tưởng Hồ Chí Minh	Hoàng Trang; Nguyễn Thị Kim Dung	Nxb ĐHQG, 2007	1 bản sách in	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Lịch sử và Văn hóa Việt Nam II)	HASS1041	Kỳ 1 Năm 2	
24	Sources of Vietnamese Tradition	George E. Dutton; Jayne S. Werner; John K. Whitmore (eds.)	Columbia University Press, 2012	1 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Lịch sử và Văn hóa Việt Nam II) & Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (Lịch sử và Văn hóa Việt Nam I)	HASS1041 & HASS1050	Kỳ 1 Năm 2	

25	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	N/A	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2018	22 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (Lịch sử và Văn hóa Việt Nam I)	HASS1050	Kỳ 1 Năm 2	
26	Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb CTQG, 2005	1 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (Lịch sử và Văn hóa Việt Nam I)	HASS1050	Kỳ 1 Năm 2	
27	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI, XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb CTQG, 2006/2011/2016	1 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (Lịch sử và Văn hóa Việt Nam I)	HASS1050	Kỳ 1 Năm 2	
28	Intercultural Communication: A Reader (14th ed.)	Larry A. Samovar et al. (eds.)	Cengage Learning, 2015	10 bản sách in	Định hướng liên văn hóa	HASS1070	Kỳ 2 Năm 1	
29	Communication Between Cultures (9th ed.)	Larry A. Samovar et al. (eds.)	Cengage Learning, 2017	10 bản sách in	Định hướng liên văn hóa	HASS1070	Kỳ 2 Năm 1	
30	International Management: Culture, Strategy, and Behavior	Fred Luthans; Jonathan P. Doh	McGraw-Hill Irwin, latest edition	15 bản sách in + 1 bản sách điện tử	Định hướng liên văn hóa	HASS1070	Kỳ 2 Năm 1	
31	International Management: Managing Across Borders and Cultures (10th ed.)	H. Dessler	Pearson Prentice-Hall, 2022	10 bản sách in + 1 bản sách điện tử	Định hướng liên văn hóa	HASS1070	Kỳ 2 Năm 1	
32	Business Ethics: Managing Corporate Citizenship and Sustainability in the Age of Globalization (5th ed.)	Andrew Crane; Dirk Matten; Sarah Glozer; Laura J. Spence	Oxford University Press, 2019	2 bản sách in	Ý tưởng lớn	IDEA1012	Kỳ 1 Năm 2	
33	A Guide to Sustainable Corporate Responsibility: From Theory to Action	Caroline D. Ditlev-Simonsen	Springer Nature, 2022	1 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Ý tưởng lớn	IDEA1012	Kỳ 1 Năm 2	

34	An Introduction to Law (Law in Context, 8th ed.)	Phil Harris	Cambridge University Press, 2016	1 bản sách in	Pháp luật đại cương	LAW1010	Kỳ 2 Năm 1	
35	Textbook on Introduction to State and Law	School of Law, VNU Hanoi	VNU Hanoi Publishing House, 2017	1 bản sách in	Pháp luật đại cương	LAW1010	Kỳ 2 Năm 1	
36	Textbook on Vietnamese Civil Law – Book 1	Hanoi Law University	People Police Publishing House, 2020	1 bản sách in	Pháp luật đại cương	LAW1010	Kỳ 2 Năm 1	
37	Textbook on Private International Law	Hanoi Law University	Judicial Publishing House, 2020	1 bản sách in	Pháp luật đại cương	LAW1010	Kỳ 2 Năm 1	
38	Textbook on International Law	Hanoi Law University	People Police Publishing House, 2019	1 bản sách in	Pháp luật đại cương	LAW1010	Kỳ 2 Năm 1	
39	Developing Management Skills (10th ed.)	David A. Whetten; Kim S. Cameron	Pearson, 2020	1 bản sách in	Nhập môn kỹ năng quản lý	MANA1011	Kỳ 1 Năm 2	
40	Moral Issues in Business (4th rev. ed.)	William H. Shaw; Vincent E. Barry; D. Muntean; T. Issa; G. Ilott; B. Catley	Cengage Learning, 2021	2 bản sách in	Đạo đức trong kinh doanh	MANA3021	Kỳ 2 Năm 1	
41	Critical Thinking	R. Epstein	Thomson-Wadsworth, 2013	1 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Tư duy sáng tạo và phản biện	THINK1010	Kỳ 2 Năm 2	
42	Breakthrough Thinking: A Guide to Creative Thinking and Idea Generation	T. Vogel	How Books, 2014	3 bản sách điện tử	Tư duy sáng tạo và phản biện	THINK1010	Kỳ 2 Năm 2	
43	Financial Accounting (10th ed.)	Libby, Libby & Hodge	McGraw-Hill, 2017	18 bản sách in	Kế toán tài chính	ACCT2010	Kỳ 2 Năm 1	
44	Introduction to Computation and Programming Using Python	John V. Guttag	MIT Press, 2021	1 bản sách in	Nhập môn Lập trình Python	BANA3020	Kỳ 1 Năm 2	
45	Principles of Microeconomics (9th ed.)	N. Gregory Mankiw	Cengage Learning, 2021	8 bản sách in	Kinh tế học vi mô	ECON1010	Kỳ 1 Năm 1	

46	Principles of Macroeconomics (3rd ed.)	OpenStax	Rice University / OpenStax, 2023	1 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Kinh tế học vĩ mô	ECON1020	Kỳ 1 Năm 2	
47	Fundamentals of Corporate Finance (5th ed.)	Robert Parrino et al.	Wiley, 2014	5 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Quản trị tài chính	FINA2010	Kỳ 1 Năm 2	
48	Corporate Finance (6th ed.)	Jonathan Berk & Peter DeMarzo	Pearson, 2023	11 bản sách in + 3 bản sách điện tử	Tài chính Doanh nghiệp	FINA3010	Kỳ 1 Năm 3	
49	Behavioral Finance: Psychology, Decision-Making, and Markets	Lucy Ackert & Richard Deaves	McGraw-Hill, 2015	4 bản sách in	Tài chính hành vi	FINA3030	Kỳ 1 Năm 4	
50	Introductory Econometrics: A Modern Approach	Jeffrey M. Wooldridge	Cengage Learning, 2019	6 bản sách in + 3 bản sách điện tử	Phân tích Định lượng trong Tài chính	FINA3051	Kỳ 1 Năm 3	
51	Financial Markets and Institutions (9th ed., 2024 Release)	Anthony Saunders et al.	McGraw-Hill Education, 2024	1 bản sách in	Thị trường và Tổ chức Tài chính	FINI1010	Kỳ 2 Năm 2	
52	Financial Markets and Institutions (10th ed.)	Frederic Mishkin & Stanley Eakins	Pearson, 2023	1 bản sách in	Thị trường và Tổ chức Tài chính	FINI1010	Kỳ 2 Năm 2	
53	Bank Management & Financial Services (9th ed.)	Peter S. Rose & Sylvia C. Hudgins	McGraw-Hill Education, 2013	1 bản sách in	Thị trường và Tổ chức Tài chính	FINI1010	Kỳ 2 Năm 2	
54	International Macroeconomics	Stephanie Schmitt-Grohé; Martin Uribe; Michael Woodford	Princeton University Press, 2016	1 bản sách in	Tài chính Quốc tế	FINI1020	Kỳ 2 Năm 2	
55	International Financial Management (3rd ed.)	Geert Bekaert; Robert Hodrick	Cambridge University Press, 2017	1 bản sách in	Tài chính Quốc tế	FINI1020	Kỳ 2 Năm 2	
56	International Finance (5th ed.)	Keith Pilbeam	Palgrave Macmillan, 2023	1 bản sách in	Tài chính Quốc tế	FINI1020	Kỳ 2 Năm 2	

57	How to Analyse Bank Financial Statements	Tobias Padberg	Wiley, 2019	1 bản sách in	Phân tích Báo cáo Tài chính	FIN11030	Kỳ 2 Năm 2	
58	Venture Capital and the Finance of Innovation (2nd ed.)	Andrew Metrick; Ayako Yasuda	John Wiley & Sons, 2021	1 bản sách in	Vốn Đầu tư Mạo hiểm và Vốn Tư nhân	FIN11040	Kỳ 2 Năm 3	
59	The AI Book: The Artificial Intelligence Handbook for Investors, Entrepreneurs and FinTech Visionaries	Susanne Chishti et al.	John Wiley & Sons, 2020	1 bản sách in	Vốn Đầu tư Mạo hiểm và Vốn Tư nhân	FIN11040	Kỳ 2 Năm 3	
60	The Economics of FinTech	Various authors	Cambridge University Press, 2019	1 bản sách in	Công nghệ Tài chính và Đổi mới trong Lĩnh vực Tài chính	FIN11050	Kỳ 2 Năm 3	
61	Global Fintech: Financial Innovation in the Connected World	Dirk Zetzsche et al.	Cambridge University Press, 2020	1 bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Công nghệ Tài chính và Đổi mới trong Lĩnh vực Tài chính	FIN11050	Kỳ 2 Năm 3	
62	FinTech	Ross P. Buckley, Douglas W. Arner, Dirk A. Zetzsche	Cambridge University Press, 2023	1 bản sách in	Công nghệ Tài chính và Đổi mới trong Lĩnh vực Tài chính	FIN11050	Kỳ 2 Năm 3	
63	Statistics for Business and Economics (14th Metric ed.)	David R. Anderson; Dennis J. Sweeney; Thomas A. Williams; Jeffrey D. Camm	Cengage Learning, 2020	9 bản sách in	Thống kê kinh doanh	STAT2020	Kỳ 1 Năm 1	
64	Research Methods for Business Students	Mark N. K. Saunders, Philip Lewis, and Adrian Thornhill.	Pearson, 2019	9 bản sách in + 5 bản sách điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	MANA4150	Kỳ 1 Năm 4	

65	Essential Personal Finance: A Practical Guide for Students (2nd ed.)	Luu, L.; Lowe, J.; Butler, J.	Routledge, 2025	1 bản sách in	Ngân hàng Cá nhân và Quản lý Tài sản	BANK2020	Kỳ 1 Năm 3	
66	Private Wealth Management (9th ed.)	Hallman, G. V.; Rosenbloom, J. S.	McGraw-Hill Education, 2014	1 bản sách in	Ngân hàng Cá nhân và Quản lý Tài sản	BANK2020	Kỳ 1 Năm 3	
67	Financial Institutions Management: A Risk Management Approach (10th ed.)	Anthony Saunders; Marcia Cornett; Otgonsetseg Erheniants	McGraw-Hill, 2023	1 bản sách in	Chuyển đổi Số trong Ngân hàng Thương mại	BANK2010	Kỳ 1 Năm 3	
68	The Financial System, Financial Regulation and Central Bank Policy	Thomas F. Carg	Cambridge University Press, 2017	1 bản sách in	Ngân hàng Trung ương và Quy định Ngân hàng	BANK3010	Kỳ 2 Năm 3	
69	Essentials of Treasury Management (7th ed.)	John Washam; Matt Hill	Association for Financial Professionals, 2016	1 bản sách in	Quản trị Ngân quỹ và Giao dịch Ngoại hối	BANK4020	Kỳ 1 Năm 4	
70	Introduction to Linear Regression Analysis (6th ed.)	Douglas C. Montgomery; Elizabeth A. Peck; G. Geoffrey Vining	Wiley, 2021	1 bản sách in	Phân tích dự báo trong Tài chính	BANA4040	Kỳ 2 Năm 3	
71	Time Series Analysis and Its Applications in R (3rd ed.)	Robert H. Shumway; David S. Stoffer	Springer, 2017	1 bản sách in	Phân tích dự báo trong Tài chính	BANA4040	Kỳ 2 Năm 3	
72	Options, Futures, and Other Derivatives (11th ed.)	John C. Hull	Pearson, 2021	3 bản sách in	Công cụ Phái sinh và Kỹ thuật Tài chính	FINI2010	Kỳ 1 Năm 3	
73	Introduction to Financial Models for Management and Planning (2nd ed.)	James R. Morris; John P. Daley	Chapman and Hall/CRC, 2017	1 bản sách in	Ứng dụng Dữ liệu trong Định giá và Mô hình Tài chính	FINI2020	Kỳ 1 Năm 3	
74	Damodaran on Valuation (2nd ed.)	Aswath Damodaran	Wiley, 2006	1 bản sách in	Ứng dụng Dữ liệu trong Định giá và Mô hình Tài chính	FINI2020	Kỳ 1 Năm 3	

9

75	Fixed Income Securities: Tools for Today's Markets (4th ed.)	Bruce Tuckman; Angel Serrat	Wiley, 2012	I bản sách in	Chứng khoán thu nhập cố định	FINI4010	Kỳ 1 Năm 4	
76	Quantitative Investment Analysis (3rd ed.)	DeFusco et al. (CFA Institute)	Wiley, 2015	I bản sách in + sách điện tử không giới hạn truy cập	Đổi mới Danh mục Đầu tư và Quản trị Rủi ro	FINI4020	Kỳ 1 Năm 4	

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

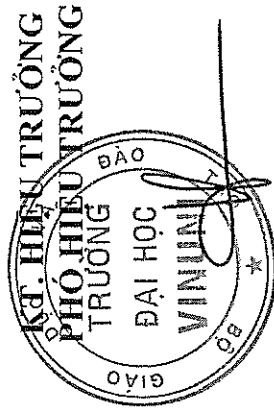
Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Phòng lab G102 – Super Lab							
	HP ProOne 400 G5 23.8-inch All-in-One		118	cái	BANA4010 Truyền thông và Trục quan hóa Dữ liệu FINI2020	Kỳ 2 Năm 2 & Kỳ 1 Năm 3		
					Ứng dụng Dữ liệu trong Định giá và Mô hình Tài chính			

GIÁM ĐỐC THƯ VIỆN

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT



Tony Tim



Nguyễn Hoàng Việt

Nguyễn Hồng Hà